

## TỪ *BẢO CHỨNG HOẰNG MÔ ĐẾN KIM MÃ HÀNH DƯ*: MỘT SỐ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CỦA NGÔ THÌ SĨ VÀ NGÔ THÌ NHẬM

Lưu Đình Vinh<sup>\*</sup>)

(<sup>\*</sup>) Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Email: ldvinh@hcmulaw.edu.vn

**Tóm tắt:** *Bảo chứng hoàng mô* và *Kim mã hành dư* là các tác phẩm của Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm. Hai tác phẩm này tập hợp những bản tấu trình về tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, xác định nguyên nhân, cũng như đưa ra giải pháp khắc phục tình trạng yếu kém trong quản lý nhà nước ở những vùng đất mà hai ông quản lý. Đây được xem như những chính sách xã hội đặc sắc trong tình cảnh thoái trào của xã hội phong kiến Việt Nam cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII. Những chính sách xã hội được tập trung đề cập đến trong hai tác phẩm này gồm: phân chia ruộng đất canh tác, thúc đẩy sản xuất, chỉnh đốn thi cử, cải cách giáo dục,...

**Từ khóa:** Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, chính sách xã hội, *Bảo chứng hoàng mô*, *Kim mã hành dư*.

*Ngày nhận bài: 05/04/2025; ngày phản biện: 06/04/2025; ngày sửa chữa: 15/05/2025; ngày duyệt đăng: 17/06/2025.*

### 1. Mở đầu

Lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII là giai đoạn khủng hoảng tột độ của phương thức sản xuất phong kiến. Nhằm đảm bảo lợi ích của mình, tầng lớp quan lại, địa chủ phong kiến đã thực hiện nhiều biện pháp cai trị khắc nghiệt, cực đoan, đẩy đất nước và đời sống người dân vào cảnh điêu tàn, lực kiệt. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết: “một khi đánh thuế, hoặc có nơi vì công sức đất không thể kham nổi, dồn lại lâu năm, ngạch thuế nộp không đủ, mà nhân dân mới có cái khổ phải bỏ

nghề nghiệp” (Dẫn theo: Phan Huy Chú 2007: 146). Cho nên, hoạt động kinh tế và mưu sinh của người dân trong giai đoạn này cũng vì thế mà rơi vào cảnh khốn cùng. Sĩ phu yêu nước Ngô Thì Sĩ đã phải kêu lên rằng: “việc cày cấy mỗi năm chỉ có một vụ, vụ mùa mất thì vụ chiêm không trông cậy vào đâu được... Dân thì có người bị kẻ gian ngoan mạo văn tự chiêm ruộng, không có đất cày; có người bị nợ công, nợ tư thúc ép, không có đường chạy... Thêm vào đó, những năm hạn hán, cày cấy không được phải ăn rau cỏ và củ nâu luộc cũng không đủ

no, dất dứu đầу đường, chét đỏi ngổn ngang” (Dẫn theo: Mai Quốc Liên và cộng sự 2001: 30). Bên cạnh đó, vì lợi ích cục bộ cá nhân, các thế lực phong kiến đã chia đất nước thành hai phần: Đàng Ngoài với vua Lê - chúa Trịnh và Đàng Trong với chúa Nguyễn. Việc tồn tại thể chế “một nước hai vua” thể hiện sự khủng hoảng của ý thức hệ phong kiến Nho giáo. Hệ quả là đời sống của người dân chịu cảnh lầm than, các thế lực phong kiến phương Bắc có cơ hội, điều kiện để toan tính xâm lược. Trước tình hình khốn khổ đó, những vị quan vì dân, vì nước tìm cách đưa ra những chính sách chăm lo cho cuộc sống của nhân dân và ổn định xã hội. Trong số đó, những chính sách của hai cha con Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780) và Ngô Thì Nhậm (1746 -1803) có những điểm đáng lưu ý không chỉ trong bối cảnh đương thời.

Lấy mục tiêu chăm lo cho cuộc sống của người dân làm nền tảng cơ bản, đồng thời cũng là tiếng kêu thống thiết của tầng lớp trí thức Nho giáo yêu nước trước tình cảnh đất nước bị chia năm xẻ bảy, dân tình lầm than, nguy cơ bị xâm lược, hai tác phẩm *Bảo chương hoằng mô* (保障宏謨) của Ngô Thì Sĩ và *Kim mã hành dư* (金馬行餘) của Ngô Thì Nhậm đưa ra quan điểm và những chính sách để thay đổi điều kiện xã hội đương thời. Sau khi Ngô Thì Sĩ được chúa Trịnh bổ nhiệm làm Đốc trấn Lạng Sơn, vào năm 1777, ông đã viết *Bảo chương hoằng mô* gồm 3 bài điều trần dưới dạng văn nghị luận và 1 bài viết dưới dạng thơ gửi lên chúa Trịnh. Trong

đó, ông trình bày về tình hình thực tế của địa phương, đời sống của người dân và những chính sách cần phải thi hành. *Kim mã hành dư* được Ngô Thì Nhậm viết khi làm quan cho triều đình Lê - Trịnh, khoảng từ năm 1775 đến năm 1788, trong giai đoạn cáo chung của triều vua Lê - chúa Trịnh. Tác phẩm này gồm nhiều thể loại như thơ, phú, ký, khảo, nghị luận, biểu,..., phản ánh đầy đủ tâm trạng và khí phách của con người Ngô Thì Nhậm từ những ngày đầu ra làm quan dưới thời Lê - Trịnh, đến những ngày đi trốn nạn kiêu binh và đưa ra những chính sách khôi phục đất nước khi làm quan cho nhà Tây Sơn. Nội dung của các chính sách được hai ông dâng lên và hiện thực hóa phần nào trong những năm 1770 đến năm 1780.

Dù được viết trong những không gian - thời gian khác nhau, nội dung của các chính sách xã hội trong *Bảo chương hoằng mô* và *Kim mã hành dư* có nét tương đồng và thể hiện là “kho báu trí tuệ về tri thức và kinh nghiệm thành bại trong việc trị nước, dựng nước” (Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 64). Điều này được thể hiện cụ thể qua các chính sách: chính sách về ruộng đất và khôi phục kinh tế; chính sách chinh đốn thi cử, tuyển chọn nhân tài và chính sách giáo dục.

## 2. Chính sách ruộng đất và khôi phục sản xuất

Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm là hai trí thức tiêu biểu được các đời chúa Trịnh trọng dụng, thường được cử đến những nơi và trong những thời khắc

khó khăn nhất của Đảng Ngoài. Bằng tình cảm và “khát khao việc nước” (Lưu Đình Vinh 2024a: 6), cha con họ Ngô Thì đều dành toàn bộ tâm huyết để ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội ở những vùng đất xa xôi, trắc trở mà họ được giao phó. Thông qua việc quan sát, trực tiếp tham gia xử lý công việc dân sinh và sống cùng người dân, họ thấu hiểu tình cảnh của người dân trong một đất nước mà thường xuyên bị bắt lính, trưng thu lương thực, thu thuế tàn bạo từ phủ chúa, để phục vụ cho những cuộc chiến tranh “giành đất, giành thành” vô nghĩa với những người anh em ở Đảng Trong. Chính thực tiễn đó, tinh thần thấu cảm trước nỗi thống khổ của người dân đã dần hình thành và hun đúc trong tư tưởng của cha con họ Ngô Thì những mầm mống của một tình yêu nước sâu sắc trong bối cảnh lịch sử đầy biến động.

Chứng kiến cảnh khốn cùng của người dân, trong *Báo chương hoàng mô*, Ngô Thì Sĩ đã phải thốt lên: “Chúng tôi trông thấy cảnh khổ của dân chúng, thật là thương xót” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 412). Ông khẳng định rằng, để an dân, bồi dưỡng sức dân, “Thần nghĩ duy “sáu kho” nuôi dân, đất và lúa là quan trọng hơn cả, trong “tám chính” ghi ở thiên Hồng Phạm thì cái ăn và của cải đứng đầu” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 416). Trong khi đó, Ngô Thì Nhậm cũng phải kêu lên với triều đình rằng: “dân đình lũ ba, lũ năm, tụ tập ở rừng núi, tình trạng đau

đớn khổ sở của họ rất đáng để ý tới” (Ngô Thì Nhậm 2003: 616), cho nên, cần phải “chấn chỉnh lại, bồi dưỡng sức dân, cũng là công việc trước mắt không thể trì hoãn” (Ngô Thì Nhậm 2003: 566). Cùng ý với cha, Ngô Thì Nhậm cũng tiếp tục khẳng định: “lương thực đủ thì trong nước bình yên, mà trong nước bình yên thì dân an cư, dân an cư thì đạo trị dân được mở rộng” (Ngô Thì Nhậm 2003: 576). Do đó, lo cái ăn cho dân luôn là nhiệm vụ cấp thiết để duy trì sự ổn định của đất nước. Từ đó, hai ông chủ trương:

*Thứ nhất*, chính sách “chiêu dụ dân lưu tán”. Do nạn bắt lính, sưu cao, thuế nặng và đói nghèo, những người nông dân thời kỳ này phải lưu lạc khắp nơi, ruộng đồng bỏ hoang không người cày cấy. Lương thực vì thế không đủ để cung cấp cho người dân trong vùng. Cùng với nạn bắt lính, cũng như chiến tranh liên miên giữa hai chúa Trịnh - Nguyễn, người dân phải phiêu tán, làng mạc bị phá hủy, ruộng đồng bỏ hoang, không người sản xuất. Chính vì vậy, “chiêu dụ dân lưu tán” trở thành yêu cầu cấp thiết và đầu tiên trong chính sách xã hội của Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm. Ngô Thì Sĩ chủ trương đặt ra một viên quan gọi là “khuyến nông sứ” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 418). Việc đầu tiên viên quan này phải làm là phân loại dân lưu tán theo bốn hạng: “Mất tích; Phiêu tán; Sắp sửa phiêu tán; Chưa phiêu tán nhưng có những nỗi khổ khác” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 418). Từ đó, theo ông,

trách nhiệm của viên “khuyến nông sứ” là phải: Một là, thực hiện chính sách chiêu tập bằng cách xóa bỏ tất cả nợ thuế, lực dịch, “nếu bị kiện, nhà đương chức không được bắt bớ” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 419). Hai là, giao ruộng cho dân bằng cách “nếu ruộng công đã bán cho người khác rồi thì phải bắt người mua trả lại; nếu là ruộng ao, vườn tư đã bán thì người mua phải trả lại một nửa, còn một nửa cho chuộc, đợi đến năm bảy năm mới được truy hồi” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh cộng sự 2010: 419). Bên cạnh đó, để thực hiện thành công chính sách này, Ngô Thi Sĩ chủ trương: các quan “khuyến nông sứ” phải thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và “cứ ba năm một lần xét công, tùy theo số lưu dân phục hồi sớm hay muộn mà định sự thăng giáng” và “nơi nào đúng hạn, dân trở về thì viên quan chiêu tập được thưởng; nơi nào hết hạn, dân chưa phục nghiệp thì viên quan chiêu tập phải phạt” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 419).

Đối với Ngô Thi Nhậm, vấn đề “chiêu dụ dân lưu tán” cũng là một mối quan tâm sâu sắc của ông. Những chính sách chiêu dụ dân của Ngô Thi Sĩ phần nào có hiệu quả khi Ngô Thi Nhậm ghi nhận: “dân sinh cư ngụ trái hơn hai mươi năm, sinh sôi ngày càng đông, kẻ bỏ làng đi cũng đã về dần” (Ngô Thi Nhậm 2003: 570). Tuy nhiên, vì những cuộc nội chiến vẫn chưa chấm dứt, nên việc bắt lính, phu dịch vẫn diễn ra liên tục. Điều đó làm cho “số dân không

những không ghi thêm vào sổ mà còn trốn tránh nhiều... Nay những dân mới phiêu tán tới năm sáu mươi xã. Đó là tệ nạn người ta gây ra sau thời dẹp loạn” (Ngô Thi Nhậm 2003: 570). Về cơ bản, chính sách “chiêu dụ dân lưu tán” của Ngô Thi Nhậm đã kế thừa tất cả những chính sách của Ngô Thi Sĩ. Tuy nhiên, tình hình chính trị - xã hội và chế độ phong kiến tập quyền Lê - Trịnh đã đạt đến đỉnh cao thoái trào không thể tránh khỏi, nên tình cảnh của dân lưu tán càng bi thương. Do đó, để thực hiện triệt để chính sách “chiêu dụ dân lưu tán”, Ngô Thi Nhậm đề xuất ban hành luật về “mộ dân khai hoang” và ban bố sắc lệnh “nộp thóc phong tước” (Ngô Thi Nhậm 2003: 590). Đây được xem là những biện pháp bắt buộc trong điều kiện khẩn cấp nhằm khuyến khích sản xuất, giải quyết tình trạng thiếu lương thực trầm trọng trước mắt.

Theo chủ trương của Ngô Thi Nhậm, việc đầu tiên phải làm là kiểm kê số ruộng bỏ hoang. Sau đó, “thông báo cho những người dân giàu có đều bỏ ra các dụng cụ như trâu, bò, cày cuốc... và giúp các tiền vốn, tùy theo số bỏ ra nhiều hay ít mà trao cho chức tước phẩm hàm” (Ngô Thi Nhậm 2003: 590). Đồng thời, ông chủ trương triệu tập dân đói, cấp lương thực và “khiến họ cày cấy” (Ngô Thi Nhậm 2003: 590) và nhà nước trong ba năm đầu không tiến hành thu thuế thóc, với mong muốn “dân no đủ, ngăn ngừa trộm cướp” (Ngô Thi Nhậm 2003: 591). Trong chính sách “chiêu dụ dân lưu tán”, Ngô Thi Nhậm có quan điểm

cụ thể hơn so với Ngô Thì Sĩ. Ông có sự phân biệt giữa “thực hộ” và “khách hộ” trong dân chúng, vì “số nhân khẩu đã ít lại nghèo túng, thực hộ và khách hộ không phục tùng nhau” (Ngô Thì Nhậm 2003: 567), gây mất đoàn kết và ảnh hưởng đến chính sách chiêu dụ dân. Cho nên, ông chủ trương: cả khách hộ và thực hộ đều phải tham gia đóng góp công việc chung và cùng chịu trách nhiệm về phu dịch, nhằm “khiến cho việc ăn ở được vui vẻ, khiêm tốn và hòa thuận, không chút tranh giành. Còn hộ nào không chịu phụ thuộc, thì trả hẳn về nguyên quán của họ, để giảm bớt sự bức bách của dân thường” (Ngô Thì Nhậm 2003: 567).

Như vậy, để khôi phục sản xuất, đời sống của người dân bớt cực khổ, cả Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm đều đặc biệt nhấn mạnh đến chính sách tập hợp dân chúng, khôi phục sức lao động trong xã hội. Đồng thời, hai ông cũng dành nhiều sự quan tâm đến vấn đề phân chia ruộng đất, trang bị tư liệu sản xuất cho người dân.

*Thứ hai*, chính sách phân chia ruộng đất cho nông dân bị phiêu tán bởi chiến tranh, khôi phục sản xuất nông nghiệp. Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm sớm nhận ra tầm quan trọng và vai trò của tư liệu sản xuất, cụ thể là ruộng đất, để canh tác nông nghiệp, nhằm giải quyết “cái ăn” của người dân. Do đó, sau khi chiêu dụ dân phiêu tán, vấn đề phân chia ruộng đất và sản xuất lương thực là trọng tâm trong các chính sách xã hội của cha con họ Ngô Thì. Trong tình thế loạn lạc

cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, đa số ruộng đất bị bỏ hoang do nông dân phiêu tán khắp nơi bởi chiến tranh hoặc nằm trong sự cát cứ của các thế lực phong kiến. Trong *Bảo chương hoàng mô*, Ngô Thì Sĩ chỉ ra nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc thiếu lương thực là do tình trạng chiếm dụng đất công bởi “bọn có thế lực” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 417). Chúng đã thực hiện nhiều cách khác nhau, như chiếm dụng đất công trong nhiều năm, biến đất công thành đền chùa, miếu mạo, tạo văn khế giả, làm mạo giấy tờ để cướp đoạt. Từ đó, Ngô Thì Sĩ chủ trương phải rà soát lại toàn bộ ruộng đất trong nước, phân chia lại đất công - tư, ruộng tư sẽ được trả lại cho người dân, ruộng công phải cho nông dân thuê và nhà nước thu thuế. Tuy nhiên, thực tế chiếm dụng đất sản xuất đã diễn ra trong một thời gian dài, dù Ngô Thì Sĩ đã cố gắng đưa ra các chính sách để đưa ruộng đất vào sản xuất thực sự, nhưng đến *Kim mã hành dư*, Ngô Thì Nhậm vẫn cho thấy thực trạng này chưa hề được cải thiện. Trong “Lời trình bày của bản thuộc đài quan” trình lên chúa Trịnh, Ngô Thì Nhậm viết: “các khoảng ruộng đất bỏ hoang ở mấy xứ Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương và Thái Nguyên, cũng có nơi ruộng màu mỡ muôn khoảnh bị hoang phế, làm chỗ ẩn núp cho hổ báo; cũng có chỗ đồng bằng phì nhiêu liền bờ, liền đồi bị bỏ phí, làm ao chuôm cho rồng rắn ở” (Ngô Thì Nhậm 2003: 589). Từ đó, Ngô Thì Nhậm cũng chủ trương tiếp tục thực hiện kê khai

ruộng đất: “xã nào có ruộng lậu thì tịch thu số ruộng đó, cho vào ngạch ruộng công; ruộng nào hoang vu không làm được thì cho dân khai phá và thu thuế” (Ngô Thì Nhậm 2003: 571). Ông cho rằng, trước mắt, nhà nước cần phải tịch thu hoặc chuộc lại ruộng đất để trao trả cho dân, giúp người dân có đất canh tác, có như thế mới có thể “tạm cứu đỡ được trong trường hợp nguy cấp” (Ngô Thì Nhậm 2003: 595). Chính sách “nộp thóc phong tước” cũng là một giải pháp để người dân nghèo và “dân hào phú hộ” khai phá những “khu đất còn trống, hoặc nước mặn tràn vào” (Ngô Thì Nhậm 2003: 596), qua đó không để đất hoang hóa và người dân cũng được lợi vì có đất sản xuất.

Đặc điểm nổi bật, đồng thời cũng là đối tượng trọng tâm trong chính sách ruộng đất của Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm, là phiêu dụ dân lưu tán, phân chia lại ruộng đất công - tư. Mục tiêu của các chính sách này là khôi phục hiệu quả sản xuất lương thực, với sự tham gia của tất cả mọi người, bao gồm cả quan lại và địa chủ phong kiến. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, những chính sách về ruộng đất, phát triển kinh tế của Ngô Thì Sĩ và đặc biệt là của Ngô Thì Nhậm “còn chưa bao quát, toàn diện và chưa có tính hiệu quả cao, chưa có kết quả cụ thể” (Luu Đình Vinh 2024b: 198).

### **3. Chính sách chỉnh đốn thi cử**

Thi cử hay việc lựa chọn nhân tài phục vụ đất nước là nhiệm vụ quan trọng của nhà nước. Tuy nhiên, cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, dưới sự

thoái trào của triều đình Lê - Trịnh, vấn đề lựa chọn nhân tài là một điểm tối của lịch sử giáo dục Việt Nam. Năm 1750, chúa Trịnh đặt ra lệ “tiền thông kinh”, tức là nộp ba quan tiền thì được miễn khảo hạch và coi như trúng sinh đồ. Vì thế, dân gian có câu “sinh đồ ba quan” để mỉa mai sự bất nháo trong thi cử thời kỳ này. “Từ khoa Quý Hợi (1623) năm Vĩnh Tộ (niên hiệu là Lê Kính Tông) trở về sau, công sĩ vào thi đình không ai bị đánh hỏng” (Quốc sử quán triều Nguyễn 1960: 77). Nghĩa là, cứ đóng tiền đi thi thì chắc chắn đậu, được ra làm quan. Trước tình hình đó, khi làm Hiến sát sứ Thanh Hoa, Ngô Thì Sĩ đã viết bài *Bình dân luận*, dâng lên chúa Trịnh, phản ánh nỗi thống khổ của người dân, đặc biệt là sự hà khắc, ức hiếp dân chúng của tầng lớp quan lại địa phương. Ông cho rằng, nạn những nhiễu của quan lại xuất phát từ sự lòng lẻo, bất cập trong thi cử và tuyển chọn quan lại, “kẻ khắc kẻ giở” cũng không hết (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 430). Tình trạng những nhiễu đó không chỉ ảnh hưởng đến nông dân, mà còn tác động tiêu cực đến tất cả các ngành nghề khác ở địa phương. Theo Ngô Thì Sĩ, đó là hậu quả của nạn “thứ thông nộp ba quan tiền, tư cảm cầu hiền ích quốc phải chăng” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 431), chính vì vậy, “cho nên dân phải cơ bần. Cốc diện ung thuận, trà sắc thuyên tâm”<sup>1</sup>. Để an

---

1 Cốc diện ung thuận: Mặt mũi hóc hác như chim cuốc, chim thuận (Dẫn theo:

lòng dân, nếu Ngô Thi Sĩ cho rằng: “việc giáo hóa là trước nhất” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 423), thì Ngô Thi Nhậm cũng khắc khoải về vận mệnh đất nước trong giai đoạn này khi khẳng định: “giáo hóa là việc gấp của Quốc gia” (Ngô Thi Nhậm 2003: 549). Đồng thời, Ngô Thi Nhậm cũng lên án và dùng lời lẽ miệt thị đối với những kẻ “mượn mũ nhà Nho để ăn cấp sách”, “liêm sĩ không còn” (Ngô Thi Nhậm 2003: 550). Yêu cầu về chính đôn thi cử, lựa chọn người tài để yên lòng dân cũng trở nên cấp thiết. Theo đó, cả Ngô Thi Sĩ và Ngô Thi Nhậm đều chủ trương: Nhà nước phải thực hiện nghiêm thi cử, chính đôn trường học. Cả hai ông đều đề cao thực học, lên án việc dùng tiền để mua danh, mua chức tước hay phẩm hàm.

Trong *Bảo chương hoàng mô*, Ngô Thi Sĩ đưa ra giải pháp để khắc phục tình trạng “sinh đồ ba quan”, đó là phải tiếp tục sử dụng cách thức thi cử như thời Hồng Đức (1470 - 1497) và thay đổi cách học, cách ra đề thi của chủ khảo. Theo đó, trong học tập, Ngô Thi Sĩ chủ trương bỏ lối học “tầm chương trích cú”, thay vào đó phải theo đuổi việc học rộng biết nhiều. Đặc biệt, phải “bỏ kiêu văn thấp, thói yếu đuối mà rèn luyện phong cách hùng hồn mạnh mẽ” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 425). Trong cách ra đề thi, theo ông, chủ khảo phải tuân theo các yêu

cầu như sau: *Một là*, không giới hạn đề thi, “không câu nệ ở chương nào, cũng có khi trích vài câu trong một chương đề ra đề, hỏi nghĩa, như thế nếu chẳng phải người học rộng, hiểu sâu ắt không thể làm được” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 423). Đối với những hình thức khác, cần phải gắn liền với những sự kiện quan trọng, những vấn đề thực tiễn đang diễn ra và “kết hợp với những sự việc của bản triều” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 423). *Hai là*, “kinh nghĩa thì bỏ lối tóm tắt sơ lược; hỏi sách thì cấm những điều vụn vặt; tứ lục và thơ phú thì theo thể thức ngày trước” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 424). Có như thế, “nghiệp học mới có thành tựu lớn và nhân tài cũng xuất hiện đông đảo, có thể đủ cung cấp cho việc sử dụng của nước nhà” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 425).

Không chỉ tiếp nối tư tưởng của cha mình, Ngô Thi Nhậm còn chỉ rõ những khuyết tật, gian dối của “lối nộp tiền thông kinh”, như: thuê người thi thay; khéo làm dấu; viết tương tự văn mẫu;... và từ đó “sinh ra những tạp” (Ngô Thi Nhậm 2003: 558) trong thi cử. Đồng thời, ông cũng chỉ ra sự “không công tâm” của chủ khảo trường thi khi chỉ “cất nhắc người quen biết”; “quan huyện tùy ý đánh giá cao thấp”; “cứ có dấu là đỗ” (Ngô Thi Nhậm 2003: 558). Từ đó, Ngô Thi Nhậm cho rằng, cần phải nhanh chóng “bãi bỏ lối thi nộp tiền thông kinh”, thực hiện “nghiêm phép thi cử để

---

Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 431).

nắn thẳng con đường khoa giáp; chỉnh đốn trường học để phong cách nhà Nho vươn lên cao; cải chính về văn bài để nhân tài nảy nở, áo mặc phải có phân biệt để ổn định chí nguyện kẻ sĩ” (Ngô Thì Nhậm 2003: 558). Nhưng, ông cũng hiểu rằng, với tình hình chính trị - xã hội lúc bấy giờ, không thể bãi bỏ ngay lập tức lệ “tiên thông kinh”. Cho nên, ông tạm thời chia sĩ tử thành hai loại: một là những người thực sự giỏi, được nhà nước tuyển chọn và có ưu đãi để tham gia học tập bằng cách miễn “thuế dung thuế điệu” (Ngô Thì Nhậm 2003: 559); hai là những sĩ tử dùng tiền để học theo “lối thi quyên nạp như ở Trung Quốc”<sup>2</sup> (Ngô Thì Nhậm 2003: 558), thì “thuế điệu được miễn, thuế dung phải nộp một nửa để có sự phân biệt” (Ngô Thì Nhậm 2003: 559). Bên cạnh đó, cũng giống Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm chủ trương tham khảo, noi theo cách tổ chức học tập, thi cử của thời Hồng Đức. Cụ thể, ông đề xuất tổ chức thành bốn trường: thi Hương để vào nhất trường và nhị trường; nếu thi đậu và học trường ba (gọi là Sinh đồ, Tú tài) thì được thi trường bốn; đậu trường bốn được gọi là Hương công, Hương tiến hay Cử nhân. Nội dung học tập của bốn trường có

---

2 Triều Minh khoảng năm Hồng Vũ (1368 - 1398), học trò là những con em nhà giàu nộp tiền hoặc thóc để đi học, sau đó nhà trường dạy họ làm những việc tốt. Nhân tài do đó mà ra, về sau có lệ nộp tiền, nộp thóc để vào Quốc tử giám (Ngô Thì Nhậm 2003: 560).

khác nhau: trường nhất học kinh nghĩa; trường hai học kinh thi, phú; trường ba học văn sách; trường bốn học chiếu, biểu, luận,... Các sĩ tử đều phải tham gia các kỳ thi, yêu cầu riêng với sĩ tử loại hai là phải thông qua xét duyệt trực tiếp, “quan huyện xét hai lần, rồi tiến lên cấp quận, cấp quận xét hai lần, rồi tiến lên Chính đường” (Ngô Thì Nhậm 2003: 558). Nội dung xét duyệt trực tiếp là: Quan huyện sẽ xét duyệt dung mạo, lời nói, chữ viết; lên Chính đường thì đóng tiền và vào học. Như thế, vừa đảm bảo lựa chọn chuẩn xác sĩ tử, làm cho sĩ tử “tránh xa thói gian tà, thói thường của Nho sĩ được chân chính” (Ngô Thì Nhậm 2003: 559), vừa đảm bảo tính khả thi để thực hiện trong điều kiện thực tế của xã hội.

Như vậy, cả Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm đều có những trăn trở về tình hình thi cử của xã hội, đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm thay đổi cách thức thi và tổ chức thi cử ở Đàng Ngoài. Dù chưa có tính đột biến, song những giải pháp đó thể hiện sự dung hòa nhất định với tình hình thực tiễn của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII. Bên cạnh đó, nó cũng cho thấy sự bức xúc của tầng lớp trí thức Nho học chân chính lúc bấy giờ. Tuy nhiên, trong xu thế thoái trào của triều đình Lê - Trịnh, các vấn đề an sinh xã hội không có được sự quan tâm đúng mức. Do đó, chính sách cải cách, thay đổi về phương pháp thi cử mà Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm nêu ra cũng chỉ là một trong những tiếng nói vô vọng của tầng

lớp trí thức trước tình cảnh âm ảm và bế tắc của hệ tư tưởng Nho giáo, của xã hội đương thời.

#### 4. Chính sách giáo dục

Từ quan điểm về chính đôn thi cử, cả Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm đều mong muốn xây dựng nền giáo dục dựa trên thực học, “không khoa trương phù phiếm” (Ngô Thì Nhậm 2005: 314). Trong *Bảo chương hoàng mô*, Ngô Thì Sĩ có một văn bản là “Bài khai điều trần bốn việc” gửi lên chúa Trịnh Sâm, trong đó đề cập đến những vấn đề “mạo phạm đến chỗ thâm nghiêm, lo sợ khôn xiết” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 420) liên quan đến lĩnh vực giáo dục. Ông biết rằng, các chính sách giáo dục không phải là đối tượng quan tâm hàng đầu của nhà chúa, cũng như sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của tầng lớp quan lại địa chủ lúc bấy giờ. Tuy nhiên, trước tình cảnh bế tắc của các giá trị luân lý Nho giáo khi giải quyết các vấn đề xã hội, trong giáo dục, Ngô Thì Sĩ vẫn đưa ra các yêu cầu cần phải thực hiện: *Một là*, “truy sùng các bậc tiên Nho”, vì đây là những tấm gương trí thức thực học, có những đóng góp lớn cho nước nhà và cũng “để cho mạch đạo có nguồn, thế đức có chỗ biểu dương, giúp vun đạo thánh khiến mệnh mạch bền vững lâu dài đến muôn ức năm” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 422), cũng để sĩ tử nhìn vào các bậc trí giả mà biết xấu hổ, biết theo gương. *Hai là*, “chính đôn văn thể”, vì đây là giải pháp trước mắt để làm ngay thẳng việc giáo dục, “tìm kiếm người tài phải coi

việc giáo hóa là trước nhất” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 423). Ngô Thì Nhậm cũng tiếp nối Ngô Thì Sĩ trong chính sách giáo dục. Trong *Kim mã hành dư*, Ngô Thì Nhậm đã có hai bài viết luận bàn về các vấn đề giáo dục - “Giáo nghị” và “Giáo mục” - dâng lên nhà chúa. Nếu Ngô Thì Sĩ yêu cầu cần phải noi gương các bậc tiên Nho, thì Ngô Thì Nhậm chỉ ra trong “Giáo nghị” là phải “biểu dương những người có đức hạnh tốt để làm mẫu mực và trút bỏ những kẻ kiêu bạc để răn đe, chọn lọc kỹ những viên quan giảng dạy ở Quốc học để làm khuôn mẫu cho học trò noi theo” (Ngô Thì Nhậm 2003: 550). Ông lựa hình mẫu là cụ Chu Văn An đời Trần, vì “những sĩ phu khi được nghe nói về phong cách của ông không ai mà không hăng hái, phấn khởi” (Ngô Thì Nhậm 2003: 550).

Chính sách về giáo dục của Ngô Thì Nhậm có thể khái quát qua ba nội dung cụ thể như sau: *Một là*, về quan điểm cốt lõi, Ngô Thì Nhậm cho rằng: khi dân được giáo dục thì “không làm gì mà mọi sự sẽ tự nhiên thành” (Ngô Thì Nhậm 2003: 750). *Hai là*, hạt nhân của chính sách giáo dục quay quanh ba trục cơ bản, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau là “giáo” (giáo dục, giáo hóa), “pháp” (pháp luật), “chính” (chính trị, quản trị). Ngô Thì Nhậm chỉ ra rằng, “sở dĩ “giáo” không phổ cập được là do học trò không được học, mà trò không học là do thầy giảng không tinh; sở dĩ “pháp” không thành lập được là do người giỏi không được dùng, là do thường phạt

không công bằng; sở dĩ “chính” không thi hành được là do quan lại không được liêm, mà quan lại không được liêm là do bổng lộc không đủ” (Ngô Thi Nhậm 2003: 751). Đồng thời, ông cũng chỉ ra nguyên nhân dẫn đến sự không bền chặt của “giáo”, “pháp”, “chính” là “do tình trạng thiếu thốn và thực sự thiếu thốn” (Ngô Thi Nhậm 2003: 751) của các yếu tố thuộc về vật chất như cơm ăn, áo mặc của người dân. Do đó, cùng với cải cách giáo dục và thực hiện các chính sách về giáo dục, nhà chúa phải thực sự chú ý giải quyết các vấn đề về ruộng đất, coi trọng việc sản xuất của cải vật chất, bởi đó chính là “tâm pháp làm chính trị của muôn đời” (Ngô Thi Nhậm 2003: 752). *Ba là*, về phương pháp của giáo dục, theo Ngô Thi Nhậm, giáo dục phải lấy “hiếu, lễ, trung, tín làm “giáo”; lấy gốc ngọn, độ, số làm “pháp”; lấy binh, tài, lễ, nhạc là “chính”, có thể thừa sức thi thố” (Ngô Thi Nhậm 2003: 752) và cũng nhằm tạo mối quan hệ bền chặt giữa “giáo”, “pháp”, “chính”.

Như vậy, cả Ngô Thi Sĩ và Ngô Thi Nhậm đều đã chỉ ra được những góc khuất, hạn chế của hệ thống giáo dục đương thời, đồng thời, đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục phần nào những hạn chế đó. Điểm nổi bật nhất trong tư tưởng giáo dục của hai ông chính là quan điểm cho rằng, muốn tiến hành các hoạt động giáo dục một cách có hiệu quả, cần phải đảm bảo những yếu tố vật chất, mà trước hết phải đảm bảo vấn đề “cái ăn” cho người dân. Đây là tư tưởng mang tính tiên bộ rõ rệt

trong toàn bộ chính sách giáo dục của hai ông, đồng thời cũng là quan điểm đi ngược lại với lợi ích vật chất của tầng lớp thống trị trong hệ thống chính trị đang bước vào giai đoạn thoái trào ở Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII. Tuy nhiên, do những hạn chế về điều kiện lịch sử, chính sách về giáo dục của hai ông chưa thể giải quyết thấu đáo những vấn đề thực tiễn lúc đó đặt ra.

### **5. Ý nghĩa hiện thời củacác chính sách xã h h trong *Bronchương hoàng mô* và *Kim mã hành dư đm mã hàquá trình phát triển ở Vi h trih phát tr***

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm 2021 - 2030 là: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại ... phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021). Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu và rút ra những bài học từ các chính sách xã hội từng được thực thi trong lịch sử dân tộc là hết sức cần thiết, nhằm góp phần cung cấp cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn cho công cuộc phát triển đất nước hiện nay. Đặc biệt, giai đoạn lịch sử có nhiều biến động cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, những chính sách xã hội được đề xuất bởi Ngô Thi Sĩ và Ngô Thi Nhậm trong hai tác phẩm *Bảo chương hoàng mô* và *Kim mã hành dư* có ý nghĩa nhất định trong việc kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa,

con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

*Thứ nhất*, muốn phát triển đất nước một cách toàn diện, trước hết phải chăm lo đời sống vật chất cho nhân dân. Trong *Bảo chương hoàng mô*, Ngô Thi Sĩ đã nhấn mạnh: “ngừa xin cách cố đình tân<sup>3</sup>. Dưỡng dân và lại vì dân vi tiên<sup>4</sup>” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 433), tức là phải xem trọng việc ổn định và cải thiện đời sống vật chất của người dân. Theo ông, tất cả người dân đều “muốn sang giàu” (Dẫn theo: Trần Thị Băng Thanh và cộng sự 2010: 432) và chỉ khi mọi người dân được đảm bảo về cái ăn, cái mặc thì đất nước mới giàu có. Tương tự, Ngô Thi Nhậm cũng khẳng định: “luong thực đủ thì trong nước bình yên, mà trong nước bình yên thì dân an cư, dân an cư thì đạo trị dân được mở rộng” (Ngô Thi Nhậm 2003: 576). Tiếp nối truyền thống tư tưởng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” (Hồ Chí Minh 2011: 187). Dù trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, các chính sách xã hội ở Việt Nam qua nhiều thời kỳ luôn đặt vấn đề chăm lo đời sống vật chất và đời sống tinh thần cho người dân lên hàng đầu. Đây cũng được xác định là nhiệm vụ chiến lược và thường xuyên của Đảng và Nhà nước

3 Cách cố đình tân: thay cũ đổi mới.

4 Trước tiên phải vì dân.

trong quá trình xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ hai*, cùng cố vấn đề sở hữu và sử dụng tư liệu sản xuất. Một trong những điểm nổi bật trong chính sách xã hội của Ngô Thi Sĩ và Ngô Thi Nhậm là quan điểm cho rằng nông dân phải có ruộng để sản xuất, không để ruộng bỏ hoang. Trong xã hội nông nghiệp truyền thống của Việt Nam, ruộng đất luôn được xem là tư liệu sản xuất cơ bản và thiết yếu. Tư tưởng đề cao quyền canh tác và tiếp cận đất đai của nông dân, được hai ông đề xuất, cho đến nay vẫn mang giá trị thời sự. Trên tinh thần đó, hệ thống pháp luật hiện đại, đặc biệt là Luật Đất đai năm 2024 cùng với các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành, đã và đang góp phần xây dựng một khuôn khổ pháp lý thống nhất, đồng bộ và toàn diện. Mục tiêu là quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất đai trong giai đoạn mới, phục vụ cho phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

*Thứ ba*, tiếp tục hoàn thiện các chính sách giáo dục. Ngô Thi Sĩ và Ngô Thi Nhậm đều xác định rằng, “hóa dân, thành tục, cầu hiền, thăm quan, phú quốc, cường binh” (Ngô Thi Nhậm 2003: 751) là nhiệm vụ quan trọng, chủ yếu của nhà nước. Trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam vẫn luôn khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đồng thời, các chính sách giáo dục của Việt Nam không ngừng được điều chỉnh và hoàn thiện, nhằm hướng tới sự phát triển một nền giáo dục Việt Nam hiện đại, vừa

kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tri thức và văn minh nhân loại, đáp ứng những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên mới.

#### **6. K. ng yê**

Lịch sử tư tưởng Việt Nam ở thế kỷ XVII - XVIII chứng kiến sự khoắc khoải, suy tư, trăn trở sâu sắc của tầng lớp trí thức Nho học trước tình cảnh bế tắc của hệ tư tưởng phong kiến. Những chính sách xã hội mà Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm đưa ra trên cơ sở những trải nghiệm thực tế, dâng lên nhà chúa, thể hiện rõ sự mong mỏi có những đổi thay để cải thiện đời sống của người dân và xây dựng đất nước trở nên tốt hơn. Những chính sách xã hội đó tập trung vào điểm mấu chốt là giải quyết các vấn đề ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp, khắc phục những trái ngang trong thi cử và tuyển chọn nhân tài, xây dựng chính sách giáo dục con người hoàn thiện theo hình mẫu người quân tử của Nho giáo. Tuy nhiên, tất cả đều chỉ là những tiếng nói lạc lõng trong thế cuộc suy tàn của triều đình Lê - Trịnh. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi tính lịch sử cụ thể, các chính sách xã hội của Ngô Thì Sĩ và Ngô Thì Nhậm vẫn có ý nghĩa nhất định đối với quá trình xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay. Trong đó, xem trọng giáo dục, cải cách thi cử, quan tâm đến đời sống của người dân luôn là mục tiêu, chiến lược quan trọng, cốt lõi của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./.

#### **Tài liệu trích dẫn**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030”. (<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3735>).
2. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Lưu Đình Vinh. 2024a. “Truyền thống gia đình trong sự hình thành tư tưởng yêu nước của Ngô Thì Nhậm và ý nghĩa hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh*, số tháng 7(313) năm 2024.
4. Lưu Đình Vinh. 2024b. *Tư tưởng yêu nước Ngô Thì Nhậm*. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp.
5. Mai Quốc Liên, Đỗ Thị Hảo, Kiều Thu Hoạch, Trần Huy Hân. 2001. *Ngô Thì Nhậm Tác phẩm*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
6. Ngô Thì Nhậm. 2003. *Ngô Thì Nhậm toàn tập*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
7. Ngô Thì Nhậm. 2005. *Ngô Thì Nhậm toàn tập*. Tập 3. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
8. Phan Huy Chú. 2007. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập 2. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1960. *Việt sử thông giám cương mục*. Tập XVII - Chính biên. Hà Nội: Nxb. Sử học.
10. Trần Thị Băng Thanh và cộng sự. 2010. *Tuyển tập Ngô Gia văn phái*. Tập 1. Hà Nội: Nxb. Hà Nội